

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **84**/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 03/6/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Đỗ Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 03/2022/TLST-HNGĐ ngày 05/01/2022, về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 93/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2022/QĐ-ST ngày 18 tháng 5 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Đặng Văn H**, sinh năm 1989

Địa chỉ: Thôn An Lại, xã CĐ, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Chị **Phạm Thị Th**, sinh năm 1992

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn An Lại, xã CĐ, huyện CGi, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Đài Loan (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị L, sinh năm 1963

Địa chỉ: Thôn Phú An, xã Cao An, huyện CGi, tỉnh Hải Dương (đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và biên bản lấy lời khai, nguyên đơn anh Đặng Văn H trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Anh và chị Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) xã CD, huyện CGi, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/11/2012. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị ở cùng bố mẹ anh, sống hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra to tiếng, cãi vã, không tôn trọng nhau, mỗi lần cãi nhau chị Th lại bỏ về nhà mẹ đẻ ở vài ngày. Anh đã tìm cách nói chuyện với chị Th để cải thiện tình trạng mâu thuẫn vợ chồng nhưng giữa hai vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Đến giữa năm 2017, chị Th đã đưa cả hai con về nhà mẹ đẻ ở. Do buồn chán nên vài tháng sau anh đã sang Hàn Quốc làm ăn, chị Th chặn liên lạc của anh, vợ chồng không còn liên lạc hay quan tâm gì đến nhau nữa. Đến năm 2020, nghe mọi người nói chuyện anh mới biết chị Th đã đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2018. Nhận thấy vợ chồng xa cách nhau đã lâu, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn được nữa, nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Th.

- *Về con chung*: Anh và chị Th có 02 con chung là Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016, hiện các cháu đang ở cùng chị Th và bà ngoại. Anh cũng có nguyện vọng được nuôi con, tuy nhiên hiện nay cả hai cháu đều đang ở cùng chị Th và bà ngoại để ổn định cuộc sống cũng như học tập của các cháu, anh nhất trí để chị Th được tiếp tục nuôi cả hai con, bà ngoại sẽ hỗ trợ chị Th chăm sóc các cháu cho đến khi chị Th về nước. Anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Th là 1.000.000đ/tháng/con.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan nên Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã xác minh qua gia đình chị Th, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của chị Th. Bà Phạm Thị L là mẹ đẻ chị Th xác định: Chị Th hiện làm ăn, sinh sống tại Đài Loan nhưng bà không biết địa chỉ cụ thể của chị Th nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, chị Th thường xuyên liên lạc về gia đình. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông

báo cho chị Th biết. Bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung giữa vợ chồng anh H, chị Th như anh H trình bày là đúng. Kể từ khi chị Th đi Đài Loan thì chị Th và anh H không còn liên lạc với nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Việc anh H làm đơn xin ly hôn với chị Th, bà đã thông báo cho chị Th biết. Tại buổi làm việc ngày 23/3/2022, chị Th có trao đổi quan điểm với bà là khi nào chị Th về nước sẽ làm thủ tục ly hôn sau. Chị có nguyện vọng muốn được tiếp tục nuôi cả hai con và đề nghị anh H cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị là 2.000.000đ/2 con/tháng, thời gian cho đến khi các con đủ 18 tuổi. **Hiện** nay chị Th đang ở Đài Loan **chưa** về nước, **chị** đề nghị bà tiếp tục hỗ trợ **chị** chăm sóc, nuôi dưỡng các con đến khi **chị** về nước, bà nhất trí. Về phần tài sản chị Th chưa có quan điểm, vợ chồng sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại buổi làm việc ngày 20/4/2022, bà L trình bày: các văn bản, tài liệu Tòa án gửi cho chị Th, bà đã nhận và đều thông báo cho chị Th. Đến nay, chị Th và bà đều không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan. Đề nghị Tòa án tiếp tục gửi các tài liệu, văn bản cho chị Th cho bà để bà thông báo cho chị Th. Tại buổi làm việc trước chị Th có quan điểm là khi nào chị Th về nước sẽ làm thủ tục ly hôn sau. Tuy nhiên, tại buổi làm việc hôm nay chị Th có trao đổi lại quan điểm là chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu anh H kiên quyết xin ly hôn thì chị cũng nhất trí ly hôn theo đề nghị của anh H; Về quan hệ con chung: Chị Th giữ nguyên quan điểm như buổi làm việc trước đã trình bày; Về tài sản chung: Chị Th xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Những tài liệu Tòa án gửi cho chị Th, đề nghị Tòa án tiếp tục gửi cho bà, bà sẽ có trách nhiệm nhận thay chị Th và thông báo lại cho chị Th. Vì điều kiện đường xá xa xôi, bà đề nghị được vắng mặt trong các buổi làm việc và các phiên xét xử tại Tòa án.

Anh H có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn chị Th vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị L đề nghị xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tổ tụng dân sự; Nghị quyết 326/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Đặng Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Th.

- Về con chung: Giao con chung là Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016 cho chị Phạm Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Bà Phạm Thị L hỗ trợ chị Th chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu cho đến khi chị Th về nước. Ghi nhận sự thỏa thuận của anh H và chị Th. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016 cùng chị Th, mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các cháu thành niên.

- Về án phí: Anh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Anh Đặng Văn H có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa anh với chị Phạm Thị Th. Chị Th hiện đang sinh sống và lao động tại Đài Loan. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tổ tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh H không cung cấp được địa chỉ của chị Th tại Đài Loan. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã hai lần yêu cầu anh H và gia đình chị Th cung cấp địa chỉ nhưng anh H và gia đình chị Th không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, anh H có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Th, bà L đều có quan điểm xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt anh H, chị Th, bà L.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đặng Văn H và chị Phạm Thị Th được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã CĐ, huyện CGI, tỉnh Hải Dương vào ngày 21/11/2012 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay anh H xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Th. Thông qua gia đình, chị Th có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của anh H. Xét thấy thực tế anh chị không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của anh H và chị Th đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh H xin ly hôn chị Th là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Anh H và chị Th có 02 con chung là Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016, hiện nay cả hai cháu đang ở cùng chị Th và bà L. Sau khi ly hôn anh H và chị Th đều thống nhất giao con cho chị Th tiếp tục nuôi dưỡng. Chị Th hiện chưa về nước có đề nghị bà L chăm sóc con cho đến khi chị về nước, bà L nhất trí. Xét thực tế, cả hai cháu đang ở cùng bà L, do bà L chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của chị Th và anh H giao con chung cho chị Th nuôi dưỡng và bà L chăm sóc con giúp chị Th trong thời gian chị Th chưa về nước.

Anh H và chị Th cũng thống nhất hàng tháng anh H có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đặng Kim Ng và Đặng Quang A cùng chị Th, mỗi cháu 1.000.000đồng/tháng. Xét sự thỏa thuận của anh H và chị Th phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

Anh H có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Anh H phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho anh Đặng Văn H được ly hôn chị Phạm Thị Th.

[2]. Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Th nuôi dưỡng con chung là Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016, thời gian từ tháng 6/2022 đến khi các con chung thành niên. Bà Phạm Thị L có trách nhiệm chăm sóc các cháu trong thời gian chị Th chưa về nước.

Anh Đặng Văn H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

Ghi nhận sự thỏa thuận của anh Đặng Văn H và chị Phạm Thị Th, anh Đặng Văn H **có** trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung Đặng Kim Ng, sinh ngày 14/9/2013 và Đặng Quang A, sinh ngày 12/5/2016 cùng chị Th, mỗi con 1.000.000đồng/tháng, thời gian kể từ tháng 6/2022 cho đến khi các con thành niên.

Kể từ khi người được thi hành án có đơn thi hành án mà người phải thi hành án chưa thi hành thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3]. Về án phí: Anh Đặng Văn H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ **thẩm**, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0004671 ngày 05/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Anh H còn phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con (anh H chưa nộp).

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh Đặng Văn H, bà Phạm Thị L vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật;

Chị Phạm Thị Th vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã CĐ, huyện CGi, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa